

Bản án số: 756/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-10-2018
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu
2. Bà Trần Tiểu Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 572/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 572/2018/QĐXX-ST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Tấn H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh L.

Nơi cư trú: Số 95/52/39 đường L, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh L.

Nơi cư trú: Số 95/52/39 đường L, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2018 và tại bản tự khai ngày 06/9/2018 nguyên đơn ông Phạm Tấn H trình bày: Ông và bà Phạm Thị N chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông cờ bạc gây nợ nần; hiện vợ chồng đã sống ly thân từ 03 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn bà Phạm Thị N. Về con chung ông H xác định có 01 con chung tên Phạm Tấn P, sinh ngày 26/4/1995 đã thành niên; về tài sản chung không có; nợ chung không có. Việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào.

Tại bản tự khai ngày 06/9/2018, bị đơn bà Phạm Thị N trình bày: Bà và ông Phạm Tấn H chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H thiếu trách nhiệm với gia đình, cờ bạc gây nợ nần, nên cả hai nhau sống ly thân đã 3 năm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và không có khả năng đoàn tụ nên bà đồng ý ly hôn ông H. Về con chung bà N xác định có 01 con chung tên Phạm Tấn P, sinh ngày 26/4/1995 đã thành niên; về tài sản chung không có; nợ chung không có. Việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào.

Do ông Phạm Tấn H và bà Phạm Thị N chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, thuộc trường hợp quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; về con chung đã thành niên; không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Đây là vụ án dân sự về “Ly hôn”, chứng cứ đã rõ ràng, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp hoặc đương sự trong vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Phạm Tấn H và bà Phạm Thị N tự nguyện chung sống với nhau năm 1994, không đăng ký kết hôn, có một con chung tên Phạm Tấn P, sinh ngày 26/4/1995 đã thành niên; nay trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, ông H xin ly hôn bà N. Ông H và bà N đang cư trú tại Quận 7; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 12/10/2018 của ông Phạm Tấn H và đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 12/10/2018 của bà Phạm Thị N. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Tấn H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Giấy khai sinh tên Phạm Tấn P, sinh ngày 26/4/1995 (số 116, quyền số 01/1995 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh L cấp ngày 04/7/1995) thể hiện tên cha Phạm Tấn H, tên mẹ Phạm Thị N; theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 144/UBND-XNTTHN ngày 02/8/2018 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh L xác nhận ông Phạm Tấn H chưa đăng ký kết hôn với ai; theo Giấy

xác nhận tình trạng hôn nhân số 285/UBND-XNTTHN ngày 23/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh L xác nhận bà Phạm Thị N chưa đăng ký kết hôn với ai. Như vậy, có cơ sở xác định ông Phạm Tấn H và bà Phạm Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, hai bên có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn; do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà N, bà N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H. Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Do đó, về yêu cầu xin ly hôn của ông H và sự đồng ý ly hôn của bà N không được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn mà tiến hành xét xử, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H với bà N.

Về con chung: Ông Phạm Tấn H và bà Phạm Thị N xác định có 01 con chung tên Phạm Tấn P, sinh ngày 26/4/1995 (đã thành niên);

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Tấn H và bà Phạm Thị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Phạm Tấn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 14, Khoản 2 Điều 53 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Tấn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Tấn H với bà Phạm Thị N.

- Về con chung: Ông Phạm Tấn H và bà Phạm Thị N xác định có 01 con chung tên Phạm Tấn P, sinh ngày 26/4/1995 (đã thành niên);

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Tấn H và bà Phạm Thị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Ông Phạm Tấn H chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số

AA/2017/0025910 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Tấn H và bà Phạm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (TK Thu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thạnh